

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-03-2023
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Mạnh Hùng
- Bà Ngô Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đinh Phú Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị L, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Triệu Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng Thị L trình bày: Tôi và anh Triệu Văn T kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 25/06/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 08/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống hàng ngày tôi và anh T không hợp nhau về tính cách, giữa tôi và anh T không có con chung nên chúng tôi không thể chung sống với nhau được nữa. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 08/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhau tôi đã về nhà bố mẹ để ở huyện Văn Ch sinh sống. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của anh T tại thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã M cho thấy anh T hiện tại vẫn có mặt tại địa phương và không đi làm ăn xa ở đâu. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh T. Ông Đặng Nho X là trưởng thôn K đã trực tiếp nhận các văn bản của Tòa án và đã giao cho anh T, anh T biết việc Tòa án báo gọi xuống Tòa án để giải quyết việc chị Phùng Thị L xin ly hôn anh. Nhưng anh T cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phùng Thị L được ly hôn anh Triệu Văn T

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Phùng Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị L và anh Triệu Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 25 tháng 06 năm 2018 là hôn nhân hợp pháp. Chị L cho rằng sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 08/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống hàng ngày chị và anh T không hợp nhau về tính cách, giữa chị và anh T không có con chung nên không thể chung sống với nhau được nữa. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 08/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhau chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Văn Ch sinh sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị L xin ly hôn anh T là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị L và anh T hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị L được ly hôn anh T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Không có

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Phùng Thị L.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị L được ly hôn anh Triệu Văn T.
2. Về án phí: Chị Phùng Thị L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND xã M.
- Lưu HS (2)-TQĐ(2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng